

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		876,663,622,603	861,706,280,672
• I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,959,214,416	24,160,032,735
1. Tiền	111		4,374,214,416	19,550,032,735
• 2. Các khoản tương đương tiền	112		28,585,000,000	4,610,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		646,550,997	646,550,997
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	988,103,451	988,103,451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(341,552,454)	(341,552,454)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		511,977,754,725	457,079,580,505
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	451,778,027,851	392,003,266,152
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,875,202,320	9,737,327,470
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	65,551,196,899	62,565,659,228
• 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(7,226,672,345)	(7,226,672,345)
• IV. Hàng tồn kho	140		314,036,541,451	364,663,930,043
1. Hàng tồn kho	141	V.7	314,972,957,877	365,600,346,469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(936,416,426)	(936,416,426)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,043,561,014	15,156,186,392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3,613,637	-
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,741,020,173	1,930,941,034
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	15,298,927,204	13,225,245,358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		532,344,661,958	533,788,509,006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		223,012,180,208	224,517,818,161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	43,522,278,609	44,939,059,609
<i>Nguyên giá</i>	222		90,550,925,192	89,696,977,192
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47,028,646,583)	(44,757,917,583)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	59,530,656,367	59,890,619,372
<i>Nguyên giá</i>	228		62,961,546,808	62,961,546,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,430,890,441)	(3,070,927,436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	119,959,245,232	119,688,139,180
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		309,332,481,750	309,270,690,845
1. Đầu tư vào công ty con	251		309,194,000,000	309,194,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	401,477,795	339,477,795
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(262,996,045)	(262,786,950)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,409,008,284,561	1,395,494,789,678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		687,364,367,938	673,846,443,721
I. Nợ ngắn hạn	310		685,117,097,938	671,599,173,721
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	251,533,321,513	514,559,920,054
2. Phải trả người bán	312	V.17	310,454,678,667	65,773,762,251
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	39,021,982,638	4,309,981,893
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	68,887,545,278	69,058,992,764
5. Phải trả người lao động	315	V.20	338,694,927	226,075,041
6. Chi phí phải trả	316	V.21	336,368,045	2,838,701,923
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	9,545,342,886	9,538,750,841
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4,999,163,984	5,292,988,954
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,247,270,000	2,247,270,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	2,247,270,000	2,247,270,000
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		721,643,916,623	721,648,345,957
I. Vốn chủ sở hữu	410		721,643,916,623	721,648,345,957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	501,360,900,000	501,360,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	160,852,283,540	160,852,283,540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(58,638,685,584)	(58,638,685,584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,358,534,309	25,358,534,309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,413,196,366	2,632,796,366
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90,297,687,992	90,082,517,326
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,409,008,284,561	1,395,494,789,678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 13 tháng 05 năm 2013



Vũ Thị Vui
Người lập



Nguyễn Thị Phước Diên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bìn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý I Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	421,531,615,227	409,616,113,471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	308,154,732
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	421,531,615,227	409,307,958,739
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	414,788,183,114	383,224,654,820
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,743,432,113	26,083,303,919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,272,255,007	1,260,474,801
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,330,244,616	19,753,553,966
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,875,061,934	19,225,344,053
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,126,963,375	2,711,028,003
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,320,561,551	4,841,779,774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		237,917,578	37,416,977
11. Thu nhập khác	31	VI.7	30,489,255	1,096,649,958
12. Chi phí khác	32	VI.8	796,144	932,502,143
13. Lợi nhuận khác	40		29,693,111	164,147,815
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		267,610,689	201,564,792
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	52,440,023	35,273,839
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		215,170,666	166,290,953
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9		

Bình Dương, ngày 14 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Vui
Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên
Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, P Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		267,610,689	201,564,792
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,630,692,005	2,193,228,921
- Các khoản dự phòng	03		-	83,817,362
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		455,182,682	661,227,500
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		7,875,061,934	18,694,692,371
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11,228,547,310	21,834,530,946
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55,006,745,998)	(37,983,721,500)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50,627,388,592	108,136,583,806
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		276,838,347,728	100,550,182,022
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,613,637)	59,692,075
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,875,061,934)	(19,225,344,053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24,843,573,477	434,578,210,673
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(27,717,117,870)	(135,589,505,275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		272,935,317,668	472,360,628,694
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,125,054,052)	(42,309,800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(62,000,000)	(120,688,359,251)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27		78,268,606	1,038,262,527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,108,785,446)	(117,692,406,524)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, P Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty mẹ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		134,930,097,188	54,766,959,973
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(397,957,447,729)	(426,430,340,974)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(263,027,350,541)	(371,663,381,001)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8,799,181,681	(16,995,158,831)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24,160,032,735	22,814,483,712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32,959,214,416	5,819,324,881

Bình Dương, ngày 14 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tông Giám đốc

Vũ Thị Vui
Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên
Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) (dưới đây được gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty có 68 nhân viên đang làm việc

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không năm hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Phần mềm máy tính	08 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu có thực nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

▪ Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

▪ Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

▪ Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

▪ Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

▪ Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

▪ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

▪ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi tăng thu nhập mà chỉ theo đối số lượng tăng thêm.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.13. Thuế

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

4.2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	360.658.629	558.606.506
Tiền gửi ngân hàng	4.013.555.787	18.991.426.229
Các khoản tương đương tiền	28.585.000.000	4.610.000.000
Tổng cộng	32.959.214.416	24.160.032.735

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(341.552.454)	(341.552.454)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	646.550.997	646.550.997

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	451.778.027.851	392.003.266.152
Trả trước cho người bán	1.875.202.320	9.737.327.470
Các khoản phải thu khác	65.551.196.899	62.565.659.228
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	519.204.427.070	464.306.252.850
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.226.672.345)	(7.226.672.345)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	511.977.754.725	457.079.580.505

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu từ các bên liên quan là 468.483.539.927 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc - chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 8.	63.297.075.270	58.950.399.952
Tiền cho công nhân viên vay	572.744.750	622.744.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	0	211.747.822
Phải thu khác	1.681.376.879	2.780.766.704
Cộng	65.551.196.899	62.565.659.228

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(68.503.731)	(68.503.731)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(209.585.986)	(209.585.986)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.948.582.628)	(6.948.582.628)
Cộng	(7.226.672.345)	(7.226.672.345)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	122.703.335.596	99.829.398.220
Công cụ, dụng cụ	3.346.936.798	2.677.575.489
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	0	204.473.512
Thành phẩm	35.194.565.716	23.170.216.861
Hàng hóa	153.728.119.767	239.718.682.387
Cộng giá gốc hàng tồn kho	314.972.957.877	365.600.346.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(936.416.426)	(936.416.426)
Giá trị thuần có thể thực hiện	314.036.541.451	364.663.930.043

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	1.004.140.589	705.647.950
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.173.506.195	12.398.316.988
Tổng cộng	15.298.927.204	13.225.245.358

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: ngàn đồng	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.931.484	46.969.747	24.421.106	1.374.640	89.696.977
Mua trong năm	-	853.948	-	-	853.948
Số dư cuối năm	16.931.484	47.823.695	24.421.106	1.374.640	90.550.925
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.423.288	25.531.641	10.858.593	944.395	44.757.917
Khấu hao trong năm	297.938	1.207.889	718.473	46.429	2.270.729
Số dư cuối năm	7.721.226	26.749.521	11.577.066	990.824	47.028.646
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.508.196	21.438.106	13.562.513	430.245	44.939.060
Tại ngày cuối năm	9.210.258	21.074.174	12.844.040	383.816	43.522.279

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 11.701.386.458 đồng
 – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.598.224.305 đồng

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Khấu hao trong năm	357.109.912	2.853.093	359.963.005
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-
Số dư cuối năm	3.382.387.855	48.502.586	3.430.890.441
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372
Tại ngày cuối năm	59.487.859.953	42.796.414	59.530.656.367

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 9.415.291.820 đồng – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 47.996.740.541 đồng và tài sản trên đất với giá trị là 117.602.134.039 đồng – Xem thêm mục 5.8.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	111.272.020.030	111.000.913.978
Máy móc, dây chuyền sản xuất	7.504.973.204	7.504.973.204
Công trình tường rào tại Xí nghiệp cơ khí	-	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	1.182.251.998
Tổng cộng	119.959.245.232	119.688.139.180

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	309.194.000.000	188.505.640.749
Đầu tư dài hạn khác	339.477.795	68.477.795

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	309.533.477.795	188.574.118.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(262.786.950)	(3.541.922.052)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	309.270.690.845	185.032.196.492

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	300.000.000.000	179.311.640.749
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
Cộng	309.194.000.000	188.505.640.749

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

▪ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2012 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV thép Đại Thiên Lộc là 482.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 120.688.359.251 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 300.000.000.000 đồng, tương đương 62% vốn điều lệ.

▪ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 đồng, tương đương 61,29% vốn điều lệ.

Đầu tư dài hạn khác tăng trong năm là do Công ty chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng DTL từ Công ty TNHH MTV sang Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 9 năm 2012. Theo đó tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL giảm từ 100% xuống còn 15%.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	247.726.011.263	509.692.900.804
Vay đối tượng khác	984.733.250	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả	2.822.577.000	3.882.286.000
Tổng cộng	251.533.321.513	514.559.920.054

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,8%/năm đối với USD và từ 13,5%/năm đến 19,8%/năm tùy từng thời kỳ đối với VND và được đảm bảo bằng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 4.843.068.968 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.998.890.806 đồng – Xem thêm mục 5.7.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	310.454.678.667	65.773.762.251
Người mua trả tiền trước	39.021.982.638	4.309.981.893

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tổng cộng	349.476.661.305	70.083.744.144
Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.		
5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	44.358.095.627	44.183.021.892
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.353.346.196
Thuế xuất, nhập khẩu	6.639.494.738	5.809.731.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.332.817.730	16.280.377.707
Thuế thu nhập cá nhân	1.557.137.183	1.432.515.594
Tổng cộng	68.887.545.278	69.058.992.764
5.13. Phải trả người lao động		
Là khoản lương tháng 3 năm 2013 còn phải trả.		
5.14. Chi phí phải trả		
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	-	2.603.563.923
Chi phí khác	336.368.045	235.138.000
Tổng cộng	336.368.045	2.838.701.923
5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	8.794.479	106.679.760
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	85.318.499	150.177.534
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng	2.148.583.208	2.148.583.208
Tiền mượn	3.747.221.656	3.928.227.656
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.402.687.544	3.052.345.183
Tổng cộng	9.545.342.886	9.538.750.841
5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	4.765.387.201
Trích lập trong năm	4.871.559.173	4.871.559.173
Tăng khác	6.970.100	6.970.100
Sử dụng trong năm	(4.644.752.490)	(4.350.927.520)
Số dư cuối năm	4.999.163.984	5.292.988.954
5.17. Vay và nợ dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 6.858.317.490 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 7.416.401.014 đồng – Xem thêm mục 5.7.

5.17.1. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23
Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.17.2. Biến động vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	501.360.900.000		501.360.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	160.852.283.540		160.852.283.540
Cổ phiếu quỹ	(58.638.685.584)		(58.638.685.584)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	25.358.534.309		25.358.534.309
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	2.632.796.366	(219.600.000)	2.413.196.366
Lợi nhuận chưa phân phối	90.082.517.326	215.170.666	90.297.687.992
	721.648.345.957	(4.429.340)	721.643.916.623

5.17.3. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

Công ty không trình bày chỉ tiêu này theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chỉ tiêu lãi Cơ bản trên cổ phần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	402.553.679.100	220.602.872.856
Doanh thu bán thành phẩm	12.975.436.127	189.008.174.034
Doanh thu khác	2.500.000	5.066.581
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại		(308.154.732)
Doanh thu thuần	421.531.615.227	409.307.958.739
6.2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	402.286.978.773	213.019.597.914
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.501.204.341	170.205.056.906
Tổng cộng	414.788.183.114	383.224.654.820
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	533.268.606	1.260.474.801
Lãi bán hàng trả chậm	9.193.986.401	-
Tổng cộng	9.272.255.007	1.260.474.801
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.875.061.934	19.225.344.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.772.167	528.209.913
Chi phí hoạt động tài chính khác	191.410.515	-
Tổng cộng	8.330.244.616	19.753.553.966
6.5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng	1.126.963.375	2.711.028.0030
6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng	6.320.561.551	4.841.779.774
6.7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng	30.489.255	1.096.649.958
6.8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng	796.144	932.502.143

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 203

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	267.610.689	201.564.792
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	52.440.023	35.273.839

7. Biến động kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Quý 1/2013	Quý 1/2012	Chênh lệch	So sánh
	Doanh thu thuần	421.531.615.227	409.307.958.739	12.223.656.488	2,98%
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	215.170.666	166.290.953	48.879.713	29,39%

Doanh thu thuần quý 1/2013 tăng 12.223.656.488 đ so với quý 1/2012 tương ứng 2,98 %, làm lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2013 tăng so với quý 1/2012 là 48.879.713 tương ứng 29,39%.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

- Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
- Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
- Ông Nguyễn Thanh Nghĩa
- Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm
Tổng Giám đốc

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên
quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải thu bán hàng – xem thêm mục 5.3	468.483.539.927	128.044.932.252
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.3	63.297.075.270	40.631.053.638
Phải trả bán hàng	(141.740.612.903)	(39.157.411.329)
Phải trả khác	(5.895.804.864)	(7.109.500)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

Bán hàng	341.462.542.691	194.247.195.965
Mua hàng	145.231.466.275	33.807.704.754
Thu hộ tiền hàng, thu hộ khác	28.693.700	(7.109.500)
Chi hộ tiền hàng, chi hộ khác	2.613.327.518	38.588.541.663

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 05 năm 2013.

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Bình Dương ngày 14 tháng 05 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NGHĨA

